TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **325**/2019/DS-PT
Ngày: 14/11/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng
Cùng các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương
Ông Phạm Kim Của

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Kha – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2019/TLPT-DS ngày 25/10/2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2019/DS-ST ngày 06/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 261/2019/QĐ-PT ngày 25/10/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Phạm Thu Tr, sinh năm 1962.
Địa chỉ: Ấp TN, xã TN, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.
- *Bị đơn:* Phạm Thị N, sinh năm 1957.
Địa chỉ: Ấp TS, xã TN, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngô Văn X, sinh năm 1955.
Địa chỉ: Ấp TS, xã TN, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.
- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị N, ông Ngô Văn X
(Bà Tr, bà N, ông X có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Nguyên đơn bà Phạm Thu Tr trình bày: Vào ngày 20/9/2018 bà có cho bà Phạm Thị N vay số tiền 50.000.000 đồng để trả tiền vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Mỏ Cày Bắc, thời hạn vay là một tháng, bà N có viết giấy tay vay tiền cho bà. Hai bên thỏa thuận mỗi tháng bà N đóng lãi 3.000.000 đồng (lãi suất 6%/tháng), bà N đã đóng cho bà được 02 tháng tiền lãi là 6.000.000 đồng. Hết thời hạn vay, bà nhiều lần yêu cầu bà N trả tiền nhưng bà N không trả tiền cho bà. Chồng bà N là ông Ngô Văn X biết việc vay tiền trả nợ ngân hàng của bà N. Bà biết mức lãi suất cho vay 6%/tháng là vượt quá quy định của nhà nước nên bà đồng ý trừ số tiền lãi bà N đã đóng vào số tiền nợ gốc. Tại phiên tòa, bà xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nay bà chỉ yêu cầu bà Phạm Thị N và ông Ngô Văn X có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 44.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Phạm Thị N trình bày: Từ năm 2016 đến năm 2018, bà nhiều lần vay tiền của bà Phạm Thu Tr để trả nợ tiền hụi. Đến tháng 11/2018 hai bên chốt nợ thì bà Tr có yêu cầu bà viết giấy mượn tiền có nội dung bà có mượn của bà Tr 50.000.000 đồng trả nợ ngân hàng. Nhưng thực tế bà chỉ còn nợ bà Tr số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng, còn 20.000.000 đồng là tiền lãi và tiền làm sổ đỏ (lãi 17.000.000 đồng và tiền làm sổ đỏ 3.000.000 đồng). Mỗi tháng bà đều thuê ông Đoàn Trọng Thảo làm nghề chạy xe ôm đóng lãi cho bà Tr, tiền lãi mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà không nhớ bà đã đóng cho bà Tr bao nhiêu tiền lãi vì bà đóng rất nhiều lần và bà Tr không lập biên nhận cho bà. Chồng bà là ông Ngô Văn X không liên quan đến việc vay mượn tiền giữa bà và bà Tr, toàn bộ tiền bà vay của bà Tr đều sử dụng cho cá nhân của bà, không phục vụ kinh tế gia đình. Nay bà Tr khởi kiện, bà chỉ đồng ý trả cho bà Tr số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng và xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Ông X không vay tiền của bà Tr nên không có nghĩa vụ liên đới cùng bà trả nợ cho bà Tr.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn X trình bày: Ông không biết việc vay tiền giữa vợ ông là bà Phạm Thị N và bà Phạm Thu Tr. Bà N vay tiền sử dụng vào mục đích gì ông không biết, bà N không đem tiền về để lo cho gia đình nên ông không đồng ý cùng bà N liên đới trả cho bà Tr số tiền 44.000.000 đồng. Bà Tr trình bày bà N vay tiền để trả nợ ngân hàng là không đúng. Tiền trả nợ ngân hàng là tiền ông mượn con gái và tiền để dành của ông. Bà N chơi hụi như thế nào ông không rõ vì bà không đem tiền về cho gia đình.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2019/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2019 đã quyết định:

Áp dụng các Điều 463, 466; 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thu Tr.

Buộc bà Phạm Thị N và ông Ngô Văn X có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Phạm Thu Tr số tiền nợ gốc đã vay 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thu thập chứng cứ, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự, quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 18/9/2019 bà Nguyễn Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, bà N chỉ đồng ý trả cho bà Tr số nợ gốc là 30.000.000 đồng.

Ngày 19/9/2019 ông Ngô Văn X kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, ông X không đồng ý liên đới cùng bà N trả cho bà Tr số tiền 44.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ yêu cầu khởi kiện; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và giữ kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà N, ông X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của bà N, ông X và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Phạm Thu Tr yêu cầu bà Phạm Thị N và ông Ngô Văn X có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 44.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Bà N, ông X không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Tr.

[2] Xét kháng cáo của bà N: Bà N không đồng ý trả cho bà Tr số tiền 44.000.000 đồng. Bà N cho rằng bà chỉ thiếu nợ bà Tr 30.000.000 đồng, còn 20.000.000 là bao gồm tiền lãi 17.000.000 đồng và 3.000.000 đồng tiền làm sổ đỏ. Bà N không có chứng cứ gì để chứng minh việc bà N chỉ còn thiếu nợ bà Tr số tiền 30.000.000 đồng. Bà Tr không thừa nhận lời trình bày của bà N. Chứng cứ mà bà Tr cung cấp là giấy mượn tiền viết tay với nội dung "ngày 20-9 con Phạm Thị N

mượn cô Út 50.000.000, năm chục triệu trả ngân hàng 1 tháng trả lại". Bà N thừa nhận giấy tay này do chính bà N viết. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N cho rằng bà nhiều lần đóng lãi cho bà Tr nhưng bà không nhớ con số cụ thể là bao nhiêu. Như vậy, lời trình bày của bà N là không có căn cứ. Bà Tr thừa nhận bà N có đóng cho bà hai lần tiền lãi với tổng số tiền là 6.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm đã căn cứ vào giấy mượn tiền để buộc bà N, ông X phải thanh toán cho bà Tr 44.000.000 đồng là phù hợp. Bà N kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì khác nên không được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của ông X: Ông X không đồng ý liên đới cùng bà N trả cho bà Tr số tiền 44.000.000 đồng. Bà N và ông X là vẫn đang là vợ chồng hợp pháp và đang chung sống cùng nhà. Theo nội dung của văn bản số 89/NHNoMCB-KHKD ngày 21/8/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Mỏ Cày Bắc thì bà N và ông X cùng vay tiền của Ngân hàng và cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng. Theo nội dung của giấy vay tiền đề ngày 20/9/2018 thì bà N vay tiền của bà Tr để trả nợ ngân hàng. Như vậy, có căn cứ để xác định bà N, ông X cùng nhau tạo lập kinh tế và chi tiêu chung trong gia đình. Bà N, ông X không có chứng cứ chứng minh việc bà N vay tiền của bà Tr để sử dụng vào mục đích riêng. Do đó, buộc ông X phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà N trả nợ cho bà Tr. Ông X kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới nên không được chấp nhận.

[4] Cấp sơ thẩm đã xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp. Cấp phúc thẩm bác kháng cáo của bà N và ông X, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Bà N và ông X là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị N và ông Ngô Văn X, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2019/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 463, 466; 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thu Tr.

Buộc bà Phạm Thị N và ông Ngô Văn X có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Phạm Thu Tr số tiền nợ gốc đã vay 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị N và ông Ngô Văn X được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Phạm Thu Tr số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai thu số 0002871 ngày 19/4/2019 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Phạm Thị N và ông Ngô Văn X được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Bến Tre;*
- *TAND huyện Mỏ Cày Bắc;*
- *Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;*
- *Phòng GĐKT;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Dũng